

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-7-2024  
V/v tranh chấp về ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hoàng Văn Đức.
- Bà Chu Thị Hồng Nhật.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm: 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Tổ M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh **Đoàn Trọng T**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Trọng T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân nhau hơn 04 năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Trọng T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đoàn Quỳnh C, sinh ngày 05/7/2018, hiện nay cháu C đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2024 đến khi con C đủ 18 tuổi. Hiện tại chị có việc làm và thu nhập ổn định nên chị đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không đi vay chung và không cho ai vay chung tài sản gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Đoàn Trọng T** đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

**\* Bà Vũ Thị L- mẹ đẻ anh T cung cấp:** Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình mâu thuẫn như chị H trình bày. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình bà và anh T. Đến nay bà xác định mâu thuẫn của hai anh chị đã căng thẳng, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Anh Tú và chị H có 01 con chung là Đoàn Quỳnh C. Ly hôn bà cũng nhất trí để chị H nuôi con nếu chị H không nuôi được thì giao cho bà nuôi. Anh Tú hiện nay bị bàn bè rủ rê nên có sa vào tệ nạn xã hội, thu nhập không ổn định còn phụ thuộc vào gia đình bà. Về tài sản: Anh Tú, chị H không có tài sản chung, không cho ai vay chung gì. Hiện tại anh T ở cùng gia đình bà. Anh Tú đã nhận được Thông báo về việc Thụ lý vụ án và giấy báo do Tòa án gửi nhưng anh T nói lại với bà là việc chị H xin ly hôn thì tùy chị H giải quyết chứ anh T không đến Tòa án. Đối với các văn bản tố tụng do Tòa án gửi đến bà nhận và có trách nhiệm giao lại cho anh T.

**\* UBND xã V, thành phố T cung cấp:** Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như như mẹ anh T cung cấp. Đến năm 2020 thì chị H đưa con đi nơi khác ở không chung sống cùng anh T nữa. Chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung như chị H

trình bày, từ năm 2020 đến nay cháu ở cùng với chị H. Ly hôn đề nghị Toà án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T hiện đi làm tự do, thu nhập không ổn định, bố mẹ anh T vẫn phải phụ cấp cho anh T. Về tài sản chung: Anh Tú, chị H không có tài sản là nhà đất tại địa phương, vợ chồng không nợ gì các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

**\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án giao cho chị H trực tiếp nuôi con Đoàn Quỳnh C, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con Chi mỗi tháng 2.500.000 đồng - 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2024 đến khi con C đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có lời khai nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh Tú không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con cái: Chị H và anh T có 01 con chung Đoàn Quỳnh C, sinh ngày 05/7/2018. Anh Tú không có việc làm và thu nhập ổn định và không có ý kiến gì về việc nuôi con, chị H nuôi con từ nhỏ đến nay, có việc làm và thu nhập ổn định nên khi ly hôn cần giao cho chị H trực tiếp nuôi con. Xét thấy anh T không có việc làm và thu nhập ổn định tuy nhiên trách nhiệm nuôi con là trách nhiệm chung nên cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con Chi mỗi tháng 2.205.000 đồng kể từ tháng 8/2024 đến khi con C đủ 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tú không trình bày với Toà án vì vậy không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Đoàn Trọng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Quỳnh C, sinh ngày 05/7/2018. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con C mỗi tháng 2.205.000 đồng (Hai triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) kể từ tháng 8/2024 đến khi con C đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Trọng T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Thu H và anh Đoàn Trọng T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000

đồng theo Biên lai số 0001199 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đoàn Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Đoàn Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình;

- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: Ủy ban nhân dân xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 56 ngày 28/7/2017);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**